TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THIỆU HÓA
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số:15/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 6 - 2021
V/v: Không công nhận là vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn.
2. Ông Lê Minh Nhân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Quy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa*:** Không.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thiệu Hóa, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ thục thông thường vụ án thụ lý số: 52/2021/TLST - HNGĐ ngày 26/3/2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 05/5/2021 và thông báo về việc mở lại phiên tòa số10/TB-TA ngày 10/6/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị H, sinh năm 1987;
Địa chỉ: Thôn YT, xã TC, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;
Chị H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
2. *Bị đơn:* Anh Lê Mạnh C, sinh năm 1975;
Địa chỉ: Thôn YT, xã TC, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;
Anh C vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 23/3/2021, bản tự khai ngày 26/3/2021 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Phan Thị H và anh Lê Mạnh C sống chung với nhau như vợ chồng từ ngày 17/11/2003, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương. Sau khi cưới chị H và anh C sống chung hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên dân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến hai bên hay xúc phạm nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không cải thiện được. Chị H và anh C đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay, cuộc sống của ai người nấy tự lo. Nay xét thấy không còn

tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được với nhau được, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh Lê Mạnh C;

Về con Chung: Chị H khai anh C và chị H có 02 con chung là Lê Mạnh T, sinh ngày 02/10/2004 và Lê Mạnh T1 sinh ngày 26/8/2010; Ly hôn chị H yêu cầu được nuôi 02 con chung không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Về tài sản và công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 01/4/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Mạnh C trình bày:

Về hôn nhân: Anh Lê Mạnh C và chị Phan Thị H sống chung với nhau như vợ chồng từ ngày 17/11/2003, hai bên chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn; hai bên chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, dẫn đến vợ chồng chung sống một nhà nhưng ngủ riêng ăn riêng; Bản thân anh C cũng động viên chị H rất nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện, hai bên đã sống ly thân từ năm 2018 cuộc sống của ai người đó lo. Nay chị H xin ly hôn, anh C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh C khai anh C và chị H có 02 con chung là Lê Mạnh T, sinh ngày 02/10/2004 và Lê Mạnh T1 sinh ngày 26/8/2010; Ly hôn chị H yêu cầu được nuôi 02 con chung không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H anh C đồng ý yêu cầu về nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị H..

Về tài sản: Anh C không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1] Về tố tụng: Chị Phan Thị H và anh Lê Mạnh C chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn vụ án này thuộc trường hợp không được hòa giải theo quy định tại khoản 2 điều 206 Bộ luật tố tụng dân sự. Do chị H và anh C đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án T hành xét xử vụ án vắng mặt chị H và anh C.

[2] Về hôn nhân: Chị Phan Thị H và anh Lê Mạnh C hai bên chung sống với nhau như vợ chồng từ cuối năm 2003, nhưng không đăng ký kết hôn, việc này được các cấp chính quyền địa phương nơi cư trú của Chị H và anh C cư trú trước đây và đang sinh sống xác nhận. Theo quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì giữa anh C và chị H sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn thì không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng; Nay chị H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C, cần áp dụng các quy định này và quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để không công nhận chị Phan Thị H và anh Lê Mạnh C là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị H và anh C đều thừa nhận có 02 con chung là cháu Lê Mạnh T, sinh ngày 02/10/2004 và cháu Lê Mạnh T1 sinh ngày 26/8/2010, chị H đã xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh của cháu T và cháu T1, có ghi họ tên mẹ là chị Phan Thị H, bố là anh Lê Mạnh C; Như vậy đủ cơ sở khẳng định các cháu T và cháu T1 là con chung của chị H và anh C; Xét nguyện vọng nuôi con của chị H là phù hợp với nguyện vọng của cháu T và cháu T1, anh C cũng đồng ý, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con cùng chị H.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 9, khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị Phan Thị H và anh Lê Mạnh C.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Lê Mạnh T, sinh ngày 02/10/2004 và cháu Lê Mạnh T1 sinh ngày 26/8/2010 cho chị Phan Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; Anh Lê Mạnh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Anh C có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Phan Thị H phải chịu tiền án phí sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số AA/2018/0007445 ngày 26/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị H, anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Thiệu Hóa;*
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *Thi hành án dân sự (để thi hành);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Dũng Tấn **Lê Minh Nhân** **Hoàng Văn Đạt**